

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-PT

Ngày: 30/6/2025

V/v Tranh chấp quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hoàng Thị Hòa.

Các Thẩm phán: bà Phạm Thị Thu Hằng

Bà Vũ Thị Thanh Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Đình Hải Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:** bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2025/QĐ-PT ngày 03/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐ-PT ngày 23/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Thào A D, sinh năm 1984 và bà Giàng Thị M, sinh năm 1992, cùng địa chỉ: bản S, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên (bà M ủy quyền cho ông D) - có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Cảnh P, Luật sư Văn phòng Luật sư A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên; địa chỉ: số nhà z, bản K, phường N, thành phố Đ - có mặt.

2. Bị đơn: ông Thào Sáu C, sinh năm 1974 và bà Sùng Thị D, sinh năm 1974, cùng địa chỉ: bản S, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên (bà D ủy quyền cho ông C) - vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị Kim N, Luật sư trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện M, tỉnh Điện Biên - nay là Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Xuân T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Việt C, chức vụ: Phó giám đốc (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: ông Thào A D - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Thào A D, bà Giàng Thị M trình bày:

Năm 2000, gia đình ông D được anh rể là Sùng Phái H tặng cho mảnh đất để làm nương tại khu vực “Pó Chua L” thuộc bản San Sả H, xã Hừa N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc thửa đất do này Sùng Phái H khai hoang làm nương từ năm 1997. Việc giao tặng đất chỉ nói bằng miệng, không lập thành văn bản, không ai biết, không có người làm chứng. Sau đó, gia đình ông D canh tác trồng lúa nương liên tục từ năm 2000 đến hết thời vụ năm 2018; cuối năm 2018 do đất bạc màu, nên gia đình ông D bỏ hoang khoảng hai năm; đến tháng 5/2020, ông Thào Sáu C đến phát cỏ làm nương dẫn đến tranh chấp. Từ tháng 5/2020 đến nay, gia đình ông C đang sử dụng diện tích đất này.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà M xác định thửa đất tranh chấp có diện tích 3.196,5m² (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2024), vị trí: Phía đông giáp đất nương ông Sùng Chử N (Thào Sáu C đang làm); phía tây giáp nương ông Thào A L; phía tây bắc giáp đất nương ông Thào Giồng D; phía bắc giáp đất nương bà Giàng Thị H; phía Nam giáp khe suối cạn. Đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2012, nhà nước mở đường đi qua khu trên nương, đất đá do san ủi làm ảnh hưởng đến nương lúa của gia đình ông D, gia đình ông D cũng đã được nhà nước bồi thường hỗ trợ 300.000 đồng.

Sự việc tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã hòa giải nhiều lần nhưng hai bên gia đình vẫn không thống nhất được. Ông D và bà M khởi kiện yêu cầu gia đình ông Thào Sáu C trả lại diện tích đất canh tác 3.196,5m² tại khu vực “Pó Chua L” thuộc bản S, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên cho gia đình ông D.

2. Quá trình giải quyết bị đơn ông Thào Sáu C và bà Sùng Thị D trình bày:

Đám nương hiện nay đang tranh chấp giữa gia đình ông Thào A D và gia đình ông C có nguồn gốc là nương của bố mẹ ông C khai hoang nương thành một hình tam giác nhọn hướng tây giáp mặt đường ô tô, hướng đông giáp đường nhỏ đi vào nương của dân bản, hướng bắc là góc nhọn giáp với khe suối cạn, hướng nam là hướng rộng của mảnh nương giáp với vực sâu. Từ khi khai hoang bố mẹ ông C đã dựng nhà ở trên mảnh đất này, xung quanh canh tác trồng ngô, trồng lúa. Đến

năm 1996, do lũ lụt làm hỏng nhà nên bố mẹ ông đã chuyển đi xuống dưới khoảng 1km.

Ngày 21/10/1999, ông Thào Xì D (là bố của ông C) đã được UBND thị xã M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00210QSDĐ/QĐ-ab, trong đó có thửa đất này. Năm 2000, ông C lấy vợ và ra ở riêng nên được bố mẹ cho mảnh nương đó để làm ăn kinh tế, nhưng không tách sổ. Vợ chồng ông C đã canh tác trồng ngô, trồng sắn liên tục trên mảnh đất nương này.

Khoảng năm 2016, do đất bạc màu nên gia đình ông C dừng canh tác để cho đất hồi lại rồi tiếp tục canh tác, nhưng ông Thào A D vào phát, do ông D là cháu nên gia đình ông C để cho ông D làm; đến khoảng năm 2017, gia đình ông D bỏ không làm nữa nên năm 2021, gia đình ông C tiếp tục đi phát cỏ để canh tác thì ông D đến tranh chấp. Hai bên gia đình đã được Trưởng bản và UBND xã tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng không thành.

Ông C cho rằng diện tích đất tranh chấp với gia đình ông D có nguồn gốc do bố mẹ ông C khai hoang và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ), do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà M.

3. Tại văn bản ngày 31/10/2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện M, tỉnh Điện Biên và người đại diện trình bày như sau:

Diện tích 3.196,5m² tại địa chỉ: Xá T (Pó Chua L) xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên, đang có tranh chấp giữa gia đình ông Thào A D và gia đình ông Thào Sáu C đã được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện M quản lý.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng thực tế, Ban quản lý rừng phòng hộ có ý kiến như sau :

Về vị trí, hiện trạng công bố theo bản đồ: khu vực ranh giới tranh chấp giữa gia đình anh D và gia đình anh C nằm trong phần diện tích đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện M quản lý, bảo vệ, được giao tại Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về giao đất, giao rừng cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M tại địa bàn xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên thuộc tiểu khu 460, khoảnh 11, lô 29, trạng thái diện tích chưa có rừng có cây gỗ tái sinh núi đất (DT2). Diện tích được giao trên được quy hoạch đất rừng phòng hộ Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đối chiếu hiện trạng trên bản đồ theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện M về việc công bố hiện trạng rừng huyện M năm 2023 thì vị trí tranh chấp thuộc tiểu khu 460, khoảnh 11, lô 10, hiện trạng, trạng thái diện tích chưa có rừng có cây gỗ tái sinh núi đất (DT2).

Về kết quả kiểm tra, xác minh thực địa tại vị trí tranh chấp: Tổng diện tích tranh chấp giữa 2 hộ là 3.196,5m² thuộc tiểu khu 460, khoảnh 11, lô 10 thuộc phần đất đã giao Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M, được chia làm 2 loại hiện trạng: Phần diện tích nằm phía bên trái của tờ bản đồ, tại lô 10a, khoảnh 11, tiểu khu 460

cây đã tái sinh phát triển thành rừng (TXP), có diện tích 1.435,7m²; Phần diện tích nằm phía bên phải của tờ bản đồ, tại lô 10b, khoảnh 11, tiểu khu 460 chưa thành rừng có cây tái sinh núi đất (DT2), có diện tích 1.760,8m² (tương đương rừng khoanh nuôi tái sinh).

Do đó kết luận:

- Diện tích rừng và đất rừng 3.196,5m² tại lô 10, khoảnh 11, tiểu khu 460, quy hoạch đất rừng phòng hộ đã được UBND tỉnh Điện Biên giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M tại Quyết định 1223/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 và đã được UBND tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Như vậy theo pháp lý Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M có quyền quản lý, sử dụng đất rừng, đại diện cho Nhà nước làm chủ sở hữu tài sản trên đất rừng là cây đã thành rừng, có nghĩa vụ bảo vệ cây rừng, cây tái sinh phát triển trên đất rừng được giao. Các cá nhân, cộng đồng chỉ được phép nhận khoán khi có sự chấp thuận của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M theo quy định tại Nghị định số 168/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước.

- Đối với diện tích 1.435,7m² tại lô 10a, khoảnh 11, tiểu khu 460 cây đã tái sinh phát triển thành rừng (TXP) tuyệt đối không được chặt phá, khai thác, sử dụng sai mục đích. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M sẽ đưa vào quản lý, bảo vệ và cập nhật tăng rừng trong thời gian tới.

- Đối với diện tích 1.760,8m² tại lô 10b, khoảnh 11, tiểu khu 460, chưa thành rừng có gỗ tái sinh núi đất (DT2) thuộc đối tượng khoanh nuôi tái sinh các hộ không được chặt phá, khai thác, sử dụng sai mục đích. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M sẽ đưa vào quản lý, bảo vệ để cây tái sinh phát triển thành rừng.

5. Tại công văn số: 72/CV-TNMT ngày 19/4/2024 của Phòng Tài nguyên môi trường huyện M, tỉnh Điện Biên có nội dung:

- Về phần địa danh, địa chỉ thửa đất số 36 diện tích 7.000m² đang tranh chấp là: Xá T (theo đơn kê khai năm 1999 của hộ gia đình), tên địa danh Xá T được gọi theo địa danh của người sử dụng đất chứ không có quy định hay quyết định nào.

- Diện tích đang tranh chấp thuộc đất rừng phòng hộ (RPH) đã được quy hoạch tại Quyết định 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tính đến năm 2025, định hướng năm 2030 (kèm theo Quyết định 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018).

- Diện tích 3.196,5m² thuộc thửa đất số 36, mang tên ông Thào Xà D.

- Số diện tích 12.461,2m² đang tranh chấp đã được UBND tỉnh giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện M quản lý tại Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên và đã được cấp GCNQSD đất ngày 19/10/2021 (kèm theo Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 23/11/2020)

5. Lời khai của những người làm chứng:

5.1. Ông Sùng Phái H khai: diện tích đất gia đình ông D và gia đình ông C tranh chấp trước đây là ông Hoa canh tác, sử dụng sau đó ông H bỏ và để lại cho ông D làm. Ông H phát năm 1997, thời điểm ông phát có cây ngửa, cây bụi khác, loại cây to khoảng 30 cm. Ông trồng lúa, liên tục trong thời gian ba năm (từ 1997 đến 2000). Thời điểm đó có bà H, ông N cùng làm lúa ở thửa đất liền kề, ngoài ra không còn ai làm cùng. Việc ông cho D đất không làm giấy tờ, không có người làm chứng, đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 1999, Nhà nước có yêu cầu kê khai để đăng ký nhưng ông không đăng ký, ông không biết ông D đã được cấp giấy GCNQSDĐ hay chưa. Ông D sử dụng đất từ năm 2000, có năm làm, có năm bỏ; ông không thấy ông C làm ở diện tích đất đó bao giờ.

5.2. Ông Thào A V khai: ông là người cùng bản, cùng họ với gia đình ông Thào A D và gia đình ông Thào Sáu C. Trước đây, ông làm nhà trên diện tích đất gia đình ông D và gia đình ông C đang tranh chấp, đến năm 1997 thì cả gia đình ông di chuyển đi nơi khác, sau đó ai làm, ai quản lý, ai canh tác trên thửa đất ông không biết và không còn liên quan đến ông. Thời điểm gia đình ông ở đó, cách một khoảng phía dưới có gia đình bố mẹ ông Thào Sáu C cũng làm nhà ở.

5.3. Ông Sùng A C khai: ông là người cùng bản với gia đình ông Thào A D và gia đình ông Thào Sáu C, không có quan hệ họ hàng gì. Trước đây ông thấy Sùng Phái H làm trên đất, sau đó thấy gia đình D làm, cụ thể thời gian thì ông không nhớ; D gieo trồng lúa không liên tục. Ngoài ra ông không biết gì thêm.

5.4. Ông Sùng Chờ N khai: ông là anh rể họ của Thào A D, gia đình Thào Sáu C là cháu họ. Ông có đất liền kề ở phía dưới với mảnh đất 2 gia đình đang tranh chấp, đất đó là ông cho gia đình ông C. Khu vực đó người dân gọi là Pó Chua L nhưng cũng có tên là Xá T thuộc bản S, xã H. Ông không nhớ ông khai hoang thời gian nào, lúc khai hoang chưa có ai, gia đình bố ông C làm bên cạnh diện tích đất tranh chấp bây giờ, trước khi ông đến khai hoang thì gia đình bố ông C đã làm ở đó; còn diện tích đang tranh chấp thì có gia đình ông H khai hoang và làm sau gia đình ông N khoảng hai năm, sau đó đến gia đình bà H làm. Diện tích đất của gia đình bà H giáp với diện tích đất của gia đình bố ông C và diện tích đất đang tranh chấp (đất bà H ở giữa diện tích đất bố ông C canh tác trước đó và diện tích đang tranh chấp). Diện tích đất đang tranh chấp ông H canh tác, sau đến gia đình ông N khoảng 5 đến 6 năm. Ông H canh tác được một thời gian thì thấy gia đình ông D trồng lúa nương, nhưng không làm liên tục. Thời gian trước khi cho ông C phân diện tích của ông N thì ông D vẫn làm còn sau đó gia đình ông D có làm nữa hay không thì ông N không biết. Ông N có thấy gia đình ông C làm ở diện tích của bố ông C làm trước đó nhưng làm thời gian nào ông N không nhớ và không phải trên diện tích đất đang tranh chấp.

5.5. Bà Giàng Thị H khai: Thào A D là cháu họ, gia đình Thào Sáu C là em trai họ. Bà có đất liền kề tại diện tích đất đang tranh chấp. Khu vực đó người dân thường gọi là Pó Chua Lí thuộc bản San Sả H, xã H. Diện tích đất của gia đình là tự khai hoang vào khoảng năm 2005, có gia đình ông Sùng Phái H hiện ở bản S, xã H cùng làm (hiện là diện tích đất tranh chấp giữa gia đình anh D và gia đình anh C). Đất bà H chưa có GCNQSDĐ. Bà H được tham gia buổi xem xét thẩm định

ngày 14/3/2024. Diện tích đang tranh chấp bà H thấy trước đó là gia đình ông H làm khoảng hai năm thì thấy gia đình anh D làm sau và anh D gieo trồng lúa. D cũng không làm liên tục còn bỏ thời gian cụ thể như thế nào bà H không nhớ, nhưng thời điểm gần nhất khoảng 6 năm gần đây. Còn ông C thì làm phần diện tích phía dưới thửa đang tranh chấp và giáp với thửa bà H đang làm, thời gian ông C làm thì bà H không nhớ.

5.6. Ông Thào Nọ P khai: ông Thào Nọ P là em trai ruột của ông C, không có quan hệ họ hàng gì với gia đình Thào A D. Ông P có đất liền kề phía dưới diện tích đất tranh chấp (đất do bố mẹ ông P, C để lại gần diện tích mà ông N cho anh C bây giờ làm). Khu vực đó người dân thường gọi là Xá T thuộc bản S, xã H. Diện tích ông đang canh tác là do bố mẹ ông cho ông (bố Thào Xì D đã chết năm 2002, mẹ chết năm 2015) vào năm 2002 sau khi bố ông chết thì ông vào canh tác và quản lý. Ông trồng lúa nhưng không liên tục, khoảng 3 năm đến 4 năm trở về đây thì ông bỏ hoang không gieo trồng lúa nhưng vẫn thả trâu bò. Diện tích của ông chưa có Giấy CNQSDĐ. Ông H và gia đình ông D làm trên diện tích đất là đất bố mẹ ông để lại, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất bà H làm cũng là diện tích đất bố mẹ ông khai hoang để lại bà H tự ý làm ở đó, sau đó bà xin nên các anh em thống nhất cho bà làm.

6. Ngày 14/3/2024, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ tiến hành xem xét, thẩm định đối với đất tranh chấp, xác định tổng diện tích là 3.196,5m² và có tứ cận: phía Đông Bắc giáp một phần khe cạn và một phần đất ông Sùng Chờ N; phía Đông Nam có một phần tiếp giáp đất bà Giàng Thị H, một phần giáp đất ông Thào Nọ P; phía Tây Bắc có một phần giáp đường bản H, một phần giáp đường bê tông liên bản; phía Nam tiếp giáp khe cạn.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 167, 229, 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 197 Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 14, Điều 26, Điều 27, Điều 39, Điều 49, Điều 125, Điều 129, Điều 131, Điều 136, Điều 137, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Luật Lâm nghiệp năm 2017; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thào A D và bà Giàng Thị M V/v: Yêu cầu gia đình anh Thào Sáu C trả lại số diện tích theo biên bản xem xét thẩm định ngày 14/3/2024 của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ là 3.196,5m² đất canh tác tại khu vực “Xá T” thuộc bản S, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên, đất có các tứ cận tiếp giáp: phía Đông Bắc: Giáp với một phần khe cạn và một phần đất ông Sùng Chờ N; Phía Đông Nam: Một phần tiếp giáp đất bà Giàng Thị H, một phần giáp đất ông Thào Nọ P; Phía Tây Bắc: một phần tiếp giáp đường bản H, một phần giáp với đường bê tông liên bản; Phía Nam có tiếp giáp khe cạn. (Đất có sơ đồ phác họa kèm theo).

2. Về chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ và chi trả cho người làm chứng: các bên đương sự cùng thoả thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí là 2.500.000 đồng, ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi trả cho người làm chứng các bên đã nộp đủ.

3. Về án phí: miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Thào A D và Giàng Thị M.

Ngày 04/4/2025, nguyên đơn ông Thào A D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất tranh chấp là 3.196,5m² cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thào A D, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc mảnh đất đang tranh chấp với gia đình ông Thào Sáu C là do anh rể Sùng Phái H tặng cho từ năm 2000, gia đình ông D sử dụng đất liên tục đến năm 2018 thì mới dừng canh tác; trong quá trình sử dụng đất được các hộ gia đình có đất liền kề biết và xác nhận, ông C nói là đất của mình nhưng ông D sử dụng đất gần 20 năm mà không có ý kiến gì; năm 2013 khi nhà nước mở đường, gia đình ông D được hỗ trợ thiệt hại về hoa màu với số tiền 300.000 đồng; năm 2018 UBND tỉnh Điện Biên quy hoạch đất rừng phòng hộ nhưng gia đình ông D không được thông báo, chưa được bồi thường. Ngoài ra, vị trí đất tranh chấp thuộc khu vực Pó Chua L, vị trí đất của gia đình ông C thuộc khu vực Xá T; tứ cận giáp ranh của thửa đất đang có tranh chấp với tứ cận thửa đất do ông C khai không phù hợp với nhau; diện tích đất tranh chấp không thuộc thửa số 36 có diện tích là 7.000m² đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Thào Xì D (bố đẻ ông C). Vì vậy, không có cơ sở xác định diện tích đất 3.196,5m² là của ông Thào Sáu C, mà phải xác định diện tích đất đó thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Thào A D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trình bày tranh luận:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ, khách quan. Về tên gọi địa danh, vị trí đất tranh chấp đã được các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương kiểm tra, xác định, được thể hiện bằng các tài liệu, chứng cứ hợp pháp về quản lý đất đai nên cần được chấp nhận. Do có quan hệ họ hàng nên gia đình anh D mượn đất để canh tác, gia đình ông C đồng ý nên không có ý kiến gì. Tứ cận của thửa đất đang tranh chấp tại thời điểm Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ có phần không trùng khớp với tứ cận mà ông C khai là vì: trong quá trình sử dụng đất, các hộ giáp ranh đã chuyển nhượng, tặng cho và con đường liên xã được mở sau thời điểm ông C được bố mẹ cho đất, tuy nhiên một phần tiếp giáp khe suối cận thì vẫn còn nguyên hiện trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đều đảm bảo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: diện tích đất gia đình ông D và gia đình ông C đang tranh chấp trong vụ án này đã được quy hoạch là đất rừng phòng hộ và đã được cấp cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện M. Nguyên đơn ông Thào A D không có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất đó là của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh về quyền sử dụng đất, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện M; miễn án phí dân sự phúc thẩm cho người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông Thào A D, bà Giàng Thị M với ông Thào Sáu C, bà Sùng Thị D là “tranh chấp quyền sử dụng đất rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng” quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; địa chỉ thửa đất tranh chấp tại xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên; đất đã có Giấy CNQSDĐ, do đó Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[1.2] Ngày 01/4/2025, Hội đồng xét xử tuyên án sơ thẩm; ngày 14/4/2025, nguyên đơn ông Thào A D nộp đơn kháng cáo là đảm bảo trong thời hạn luật định, do đó kháng cáo hợp lệ.

[1.3] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 03/6/2025, Tòa án cấp phúc thẩm đã tổ chức hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Nhưng sau đó, ngày 08/6/2025, nguyên đơn ông Thào A D đã có văn bản phản đối nội dung hòa giải thành. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, người kháng cáo có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

Nguyên đơn ông Thào A D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông về việc buộc gia đình bị đơn phải trả cho nguyên đơn 3.196,5m² đất rừng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông D cho rằng nguồn gốc mảnh đất 3.196,5m² là của rẫy anh Sùng Phái H khai hoang làm nương từ năm 1997, đến năm 2000 tặng cho gia đình ông D. Gia đình ông D canh tác trồng lúa nương từ năm 2000 đến hết thời vụ năm 2018 nhưng năm làm, năm bỏ, đến cuối năm 2018 thì bỏ không làm do đất bạc màu; tháng 5/2020, gia đình ông C tiếp tục sử dụng thửa đất này. Lời khai của ông D phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với lời khai của ông Thào Sáu C nên có căn cứ xác định gia đình ông D đã từng canh tác, sử dụng đất một thời gian là đúng sự thật.

Tuy nhiên, việc tặng cho đất giữa ông Sùng Phái H và ông Thào A D không được lập thành văn bản, không có người làm chứng; không có chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất của ông H; ông D sử dụng đất không liên tục và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất là của mình. Những người làm chứng chỉ xác nhận ông D đã từng canh tác trên thửa đất này, nhưng họ không biết rõ về nguồn gốc đất, thời gian ông D canh tác từ bao giờ. Ngoài ra, theo lời khai của ông Sùng Phái H: năm 1999, nhà nước thông báo cho các gia đình đi đăng ký kê khai sử dụng đất, ông H biết nhưng không thực hiện kê khai đăng ký đối với diện tích đất này.

[2.2] Bị đơn ông Thào Sáu C cho rằng thửa đất 3.196,5m² do bố mẹ ông khai hoang, sử dụng từ trước năm 1999, đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do gia đình ông D có quan hệ họ hàng và có nhu cầu sử dụng đất nên gia đình ông C cho mượn một phần đất trong tổng diện tích đất đã được cấp để gia đình ông D canh tác.

Lời khai của ông C phù hợp với lời khai người làm chứng Thào A C, Thào A V, Thào Nọ P, phù hợp với việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 1999 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00210QSDĐ/QĐ-UB-H, ngày 21/10/1999 do UBND huyện M cấp cho gia đình ông Thào Xì D (là bố đẻ của ông C) tổng diện tích: 16.940m² đất, trong đó diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 36 có diện tích 7.000m² đất lúa tại X; phù hợp với văn bản trả lời số: 72/CV-TNMT ngày 19/4/2024 và văn bản số 193/CV-TNMT ngày 29/9/2024 của phòng TN&MT huyện M thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là một phần của thửa đất số 36 địa chỉ: Xá T, xã H, huyện M (BL 96 và 134); phù hợp với văn bản số 19/UBND-ĐC ngày 12/7/2024 của UBND xã H xác định vị trí đất tranh chấp là Xá T (BL 121).

[2.3] Kết quả xác minh, kiểm tra thực địa và hồ sơ quản lý đất đai của các cơ quan liên quan thể hiện:

Thửa đất đang tranh chấp giữa gia đình ông D và gia đình ông C có tổng diện tích là 3.196,5m², thuộc địa danh: Xá , xã H huyện M; có các mặt tiếp giáp: Phía Đông Bắc tiếp giáp một phần khe cạn và một phần giáp đất ông Sùng Chờ N có

chiều dài 69,05m; phía Đông Nam một phần giáp đất bà Giàng Thị H, một phần giáp đất ông Thào Nọ P có chiều 75,23m; phía Tây Bắc một phần giáp đường đi bản H, một phần giáp đường bê tông liên bản có chiều dài 66,03m; phía Nam có tiếp giáp khe cạn có chiều dài 60,7m.

Thửa đất được xác định là rừng và đất rừng tại lô 29, khoảnh 11, tiểu khu 460 (theo Bản đồ hiện trạng lập năm 2024 của UBND huyện M vị trí đất tranh chấp thuộc tiểu khu 460, khoảnh 11, lô 10) quy hoạch đất rừng phòng hộ đã được UBND tỉnh Điện Biên giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M quản lý tại Quyết định 1223/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 và đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CE 210876; số vào sổ cấp GCN: CT01599 ngày 19/10/2021 cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên) (BL: 81-85, 96, 121, 134, 149a, 149a, 152-155, 274)

[2.3] Như vậy, diện tích đất tranh chấp giữa gia đình ông D và gia đình ông C được xác định là Diện tích rừng và đất rừng, do Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M quản lý, sử dụng, đại diện cho Nhà nước làm chủ sở hữu tài sản trên đất rừng là cây đã thành rừng, có nghĩa vụ bảo vệ cây rừng, cây tái sinh phát triển trên đất rừng được giao.

Gia đình ông D và gia đình ông C tranh chấp đất rừng thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên là không hợp pháp.

[2.4] Đối với diện tích đất 3.196,5m², thuộc địa danh: Xá T, xã H, huyện M đã được nhà nước cấp quyền sử dụng cho gia đình ông Thào Xì D (là bố đẻ của ông C) từ năm 1999. UBND tỉnh đã quy chủ và cấp quyền sử dụng diện tích đất đó cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện M (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên). Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, ông Thào Sáu C nhất trí với việc quy chủ đất rừng nêu trên và không đề nghị Tòa án xem xét về tính hợp pháp của các quyết định hành chính liên quan. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Gia đình ông Thào Sáu C có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu xem xét, giải quyết quyền lợi theo quy định của pháp luật về đất đai.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[3]. Từ những nhận định, đánh giá nêu trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Thào A D là không có căn cứ nên không chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, người kháng cáo ông Thào A D là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thào A D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Thào A D.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2025/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thào A D.

3. Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/6/2025).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện M;
- VKSND huyện M;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Hoà